**PHÒNG GD-ĐT MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc**  | Truyện cổ tích | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | **20** | **40** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | **60%** | **40%** |

 **PHÒNG GD-ĐT BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**TRƯỜNG THCS MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện cổ tích | **Nhận biết:** - Nhận biết được những dấu hiệu đặc trưng của thể loại truyện cổ tích; chi tiết tiêu biểu, nhân vật.- Nhận biết được ngôi kể.**Thông hiểu:**- Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.- Hiểu được đặc điểm nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động.- Xác định được biện pháp tu từ trong đoạn trích.- Xác định được nghĩa của từ- Cấu tạo của cụm từ- Nêu được chủ đề của văn bản**Vận dụng**: - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ văn bản gợi ra.  | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm | **Nhận biết:**  Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề)**Thông hiểu:**  Viết đúng về nội dung, về hình thức (từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản) **Vận dụng:**- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu.- Viết được bài văn bản trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề)mà em quan tâm**Vận dụng cao:** Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà mình quan tâm nêu được vấn đề và suy nghĩ của người viết, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng số**  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | **20** | **40** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | **60%** | **40%** |

**\* Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**PHÒNG GD-ĐT NINH GIANG ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**TRƯỜNG THCS NINH THÀNH MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 6**

 *Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi** :

 *Tự nhiên, một hôm có một đàn chim lớn bay từ phương tây lại, đậu đen ngòm cả một bãi cát (1). Rồi chúng bay đến trước mặt hai vợ chồng kêu váng cả lên, thả xuống năm sáu hột(2). Ít lâu sau từ những hột ấy mọc ra một loại cây dây bò lan xanh um cả bãi, có rất nhiều quả xanh mướt, to bằng đầu người(3). Mai An Tiêm* *trẩy một quả, bổ ra thấy ruột đỏ hồng, hột đen nhánh(4). Vợ chồng con cái cùng nếm thấy vị ngòn ngọt thanh thanh, Mai reo lên(5):*

*- Ôi đây là thứ dưa lạ, chưa từng thấy bao giờ(6). Hãy gọi nó là dưa tây, vì thứ dưa này được bầy chim đưa từ phương tây lại từ đất liền ra cho chúng ta(7). Trời nuôi sống chúng ta rồi(8)*

(Nguyễn Đồng Chí. Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, tập 1, NXB Khoa học xã hội, 1976, tr. 8*)*

**Câu 1:** Đoạn trích trên viết theo thể loại nào?

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Truyện cổ tích. (Nhận biết)
 | B. Truyện đồng thoại. |
| C. Truyện truyền thuyết. | D.Truyện cười. |

**Câu 2:** Đoạn trích trên sử dụng ngôi kể nào?

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Ngôi thứ nhất
 | B. Ngôi thứ hai |
| C. Ngôi thứ ba (Nhận biết) | D. Cả ngôi thứ nhất với ngôi thứ 3 |

**Câu 3**: Nhân vật chính trong đoạn trích trên là ai?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Người vợ  | B. Mai An Tiêm (Nhận biết) |
| C. Người con | D. Đàn chim |

**Câu 4:** Nghĩa của từ “ ngòn ngọt” là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. vị ngọt, nhưng có mức độ nhạt hơn so với ngọt (Thông hiểu)  | B. Vị ngọt nhưng pha chút của vị mặn |
| C. Vị ngọt , nhưng có mức độ ngọt đậm  | D.Vị nhạt, xem lẫn chút vị ngọt |

Câu 5: Xác định biện pháp tu từ trong câu 3.

1. Nhân hóa B. Điệp ngữ

C.So sánh (Thông hiểu) D. Ẩn dụ

**Câu 6:** Đàn chim lớn đã làm gì để giúp đỡ Mai An Tiêm?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Mang những hạt thóc đến | B. Mang hạt dưa lạ đến (Thông hiểu)  |
| C. Hát để Mai An Tiêm vui | D.Động viên, an ủi Mai An Tiêm |

**Câu 7:** Trong câu (1), “một đàn chim lớn” là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. cụm danh từ (Thông hiểu)  | B. cụm động từ |
| C. cụm tính từ | D. vừa là cụm danh từ vừa là cụm động từ |

**Câu 8:**  Theo suy luận của em, chi tiết nào trong đoạn trích cho biết về đặc điểm của giống dưa hấu khiến các nhân vật trong truyện phải tò mò?

A. Một đàn chim lớn bay từ phương tây lại, đậu đen ngòm cả một bãi cát (1). Rồi chúng bay đến trước mặt hai vợ chồng kêu váng cả lên, thả xuống năm sáu hột

B. Vợ chồng con cái cùng nếm thấy vị ngòn ngọt thanh thanh

C. Mai An Tiêm trẩy một quả, bổ ra thấy ruột đỏ hồng, hột đen nhánh

D. Cây thân dây; mọc trên cát biển; có quả lớn, vỏ màu xanh mướt, ruột đỏ hồng, hạt đen nhánh, ăn thấy có vị ngòn ngọt, thanh thanh (Thông hiểu)

**Câu 9:**  Hãy chỉ ra những chi tiết có thế giúp ta hình dung được hoàn cảnh sống của các nhân vật. Hoàn cảnh đó đã tác động như thế nào đến nhân vật chính ?

**Câu 10:** Từ những gì được gợi lên trong đoạn trích, ern suy nghĩ như thế nào về mới quan hệ giữa con người và thiên nhiên?

**II. Tập làm văn: (4.0 điểm)**

Viết bài văn trình bày ý kiến của em về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm.

**PHÒNG GD-ĐT NINH GIANG HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**TRƯỜNG THCS NINH THÀNH MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | **B** | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | Những chi tiết có thể giúp ta hình đụng được hoàn cảnh sống của các nhân vật:- Thứ dưa này được bầy chim đem từ phương tây lại, từ đất liền ra cho chúng ta=> Các nhân vật sống trên một hòn đảo giữa Biển Đông.- “Trời nuôi sống chúng ta rồi”: Câu nói cho biết các nhân vật phải vật lộn với hoàn cảnh để tìm cái ăn, để tồn tại được ở nơi vốn không có người sinh sống.=> Đó là một hoàn cảnh sống đầy thử thách, đòi hỏi con người phải không ngừng vươn lên nếu muốn tồn tại. | 1,0 |
|  | **10** | - Đoạn trích có thể đưa đến ý nghĩ: Giữa con người và thiên nhiên có mối quan hệ thân thuộc, gắn bó. Thiên nhiên bao bọc con người, luôn dành cho con người nhiều cơ hội tốt đẹp để cải thiện cuộc sống.Cuộc sống vốn chứa đựng rất nhiều điều kì lạ, nhưng những điều ấy chỉ thực sự đến với ai không ngừng vươn tới và biết cách nâng niu, đón nhận nó. Có thể xem điều kì lạ là món quà được dành để tặng riêng cho những người xứng đáng. | 0,50,5 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc một bài văn nghị luận:* Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận. Thân bài làm rõ được nhận định, triển khai được các luận điểm. Kết bài khái quát được nội dung nghị luận. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:* Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống. Hiện tượng đời sống là những hiện tượng nổi bật, có ý nghĩa hoặc ảnh hưởng tới phần lớn mọi người trong xã hội. (có thể là hiện tượng tích cực hoặc tiêu cực) | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm, thể hiện sự nhận thức sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.* Có thể triển khai theo hướng sau:- **Mở bài**: Giới thiệu được hiện tượng người viết quan tâm và thể hiện rõ ràng ý kiến của người viết về hiện tượng ấy.- **Thân bài**: Lần lượt trình bày ý kiến của người viết theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài. Tùy vào ý kiến người viết đưa ra các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục để làm sáng tỏ lí lẽ.- **Kết bài**: Khẳng định lại ý kiến, đưa ra những đề xuất, giải pháp… | 2,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp:* Chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài văn trình bày sạch sẽ, không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt.. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận. | 0,5 |